

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 8-T **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09-12-2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 -T

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh L.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Q – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 8- T.

Trong ngày 09 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - T xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 122/2025/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khu phố A, phường K, tỉnh T.

Bị đơn: Ông Châu Ngọc S1, sinh năm 1986; Địa chỉ: Khu phố A, phường K, tỉnh T.

Bà S có mặt; Ông S1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc S trình bày:

Năm 2008, bà Nguyễn Thị Ngọc S và ông Châu Ngọc S1 tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Long An. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có khả năng hàn gắn. Nay bà S nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên khởi kiện yêu cầu:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc S yêu cầu ly hôn với ông Châu Ngọc S1.

Về con chung: Có hai con chung, Châu Ngọc T, sinh ngày 19/10/2008, Châu Ngọc N, sinh ngày 19/4/2023, hiện đang sống với bà S, bà S yêu cầu nuôi

đưỡng hai con chung, yêu cầu ông S1 cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Nợ ngân hàng C 55.000.000 đồng. Bà S yêu cầu mỗi người trả $\frac{1}{2}$ nợ.

Trong lời trình bày trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc S trình bày xác định lại:

Về con chung: Có hai con chung, Châu Ngọc T, sinh ngày 19/10/2008, Châu Ngọc N, sinh ngày 19/4/2023, hiện đang sống với bà S, bà S yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông S1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về nợ chung: Bà S không có nợ ngân hàng C 55.000.000 đồng mà nợ này là của cha mẹ ông S1. Trước đây do không hiểu quy định pháp luật nên bà S nhận là nợ chung.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, ông Châu Ngọc S1 vắng mặt, không có ý kiến.

Tại phiên tòa, bà S xác định là giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, tài sản chung và giữ nguyên ý kiến trình bày bổ sung về con chung, nợ chung. Ông S1 vắng mặt, không có ý kiến.

Do ông S1 vắng mặt không hòa giải được. Tòa án tiến hành xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Ông Châu Ngọc S1 cư trú tại khu phố A, phường K, tỉnh T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 8- T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. *Về thủ tục giải quyết:* Vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, không phải thu thập thêm tài liệu chứng cứ và đương sự có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng thủ tục rút gọn theo quy định tại khoản 1 Điều 317 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. *Về việc giải quyết vắng mặt ông Châu Ngọc S1:* Ông Châu Ngọc S1 vắng mặt không có lý do đủ Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nên căn cứ khoản 1 Điều 320 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt ông S1.

[4]. *Về hôn nhân:* Ngày 02/5/2008, bà Nguyễn Thị Ngọc S và ông Châu Ngọc S1 xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Long An nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

[5]. *Về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc S:*

[5.1]. *Về yêu cầu ly hôn*: Bà Nguyễn Thị Ngọc S trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm, cãi vã dẫn đến mâu thuẫn. Hai bên đã sống ly thân nhiều năm. Ông Châu Ngọc S1 không đến tham gia tố tụng thể hiện việc không có mong muốn hòa giải đoàn tụ. Điều này thể hiện mâu thuẫn giữa bà S và ông S1 là có thật và trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S đối với ông S1.

[5.2]. *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Ngọc S yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Châu Ngọc T, sinh ngày 19/10/2008, Châu Ngọc N, sinh ngày 19/4/2023, hiện đang sống với bà S. Ông S1 không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Con chung Châu Ngọc T có ý kiến sống chung với bà S. Con chung Châu Ngọc N, chưa đủ 36 tháng tuổi. Do đó, căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của bà S, bà S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Châu Ngọc T, Châu Ngọc N.

[5.3]. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà Nguyễn Thị Ngọc S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Châu Ngọc S1 không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, ông S1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5.4]. *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị Ngọc S trình bày không có yêu cầu giải quyết, ông Châu Ngọc S1 không có ý kiến nên Tòa án tạm thời ghi nhận ý kiến của bà S về việc không có yêu cầu giải quyết tài sản chung.

[5.5]. *Về nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Ngọc S trình bày không có, ông Châu Ngọc S1 không có ý kiến, cũng không có ai yêu cầu về nợ chung nên Tòa án tạm thời ghi nhận ý kiến của bà S về việc không có nợ chung.

[6]. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Ngọc S phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo thủ tục rút gọn là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 320 và Điều 322 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc S đối với ông Châu Ngọc S1.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc S được ly hôn với ông Châu Ngọc S1.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Châu Ngọc T, sinh ngày 19/10/2008, Châu Ngọc N, sinh ngày 19/4/2023, hiện đang sống với bà S.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Châu Ngọc S1 không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung Châu Ngọc T và Châu Ngọc N.

4. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

5. Về tài sản chung: Tòa án ghi nhận tạm thời ý kiến của bà Nguyễn Thị Ngọc S về việc không có yêu cầu giải quyết tài sản chung.

6. Về nợ chung: Tòa án ghi nhận tạm thời ý kiến của bà Nguyễn Thị Ngọc S về việc không có nợ chung.

7. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc S phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng, khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí bà S đã nộp theo biên lai số 0012387 ngày 17 tháng 11 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8-T, hoàn trả bà S số tiền 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

8. Bà Nguyễn Thị Ngọc S, ông Châu Ngọc S1 có quyền kháng cáo trong hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND khu vực 8- T;
- Phòng THADS khu vực 8- T;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Ấn văn.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh L